

Điều 8.- Đối với khách do các cơ quan của Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh trở lên và của các đoàn thể nhân dân cấp Trung ương mời vào làm việc từ lần thứ hai trở đi mà thời gian cách lần nhập cảnh trước chưa quá 12 tháng, thì Cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp thị thực cho khách theo điện mời hoặc giấy mời của các cơ quan ở trong nước (do khách xuất trình), sau đó điện báo (họ tên, số hộ chiếu, số và ngày thị thực, thời gian nhập cảnh) về Bộ Nội vụ và các cơ quan đón tiếp để theo dõi, quản lý.

Điều 9.-

1. Thị thực nhập cảnh Việt Nam phải ghi trực tiếp vào hộ chiếu của khách, không cấp thị thực tờ rời. trừ một số trường hợp đặc biệt do Ban Bí thư Trung ương Đảng hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định;

2. Lệ phí thị thực (visa) phải thu theo đúng biểu phí do liên Bộ Tài chính - Ngoại giao - Nội vụ quy định và thông báo công khai, không một cơ quan, tổ chức và cá nhân nào được thu ngoài quy định đó. Phí dịch vụ và cước phí điện báo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị định này phải thu riêng, không được thu gộp với lệ phí visa.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10.-

1. Quản lý xuất nhập cảnh phải theo một đầu mối thống nhất. Các Bộ Ngoại giao, Nội vụ và Cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài phải phối hợp chặt chẽ và thông tin thông suốt. Bộ Tài chính tạo nguồn kinh phí cho Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ hiện đại hóa mạng lưới thông tin phục vụ công tác quản lý xuất nhập cảnh, bảo đảm an toàn và nhanh chóng từ trong nước tới ngoài nước, từ cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Trung ương tới các địa phương và các cửa khẩu quốc tế;

2. Bộ Nội vụ nhanh chóng củng cố, sắp xếp lại bộ máy quản lý, kiểm soát và làm thủ tục xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu quốc tế (đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường không) thành một đầu mối thống nhất. Việc sắp xếp này phải hoàn thành trong 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 11.- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 1995;

Thay thế các Quyết định số 193-CT ngày 10-5-1987 và số 18 CT ngày 26-2-1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ); Những quy định tại các Nghị định số 12-CP ngày 1-12-1992, số 4-CP ngày 18-1-1993 và số 48-CP ngày 8-7-1993 của Chính phủ và những quy định trước đây của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và của Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 12.- Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực phải có văn bản hướng dẫn chi tiết thực hiện các quy định của Nghị định này.

Điều 13.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 152-TTg ngày 11-3-1995 về việc thành lập Ban Chỉ đạo nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách thuế.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ vào yêu cầu hoàn thiện hệ thống chính sách thuế phù hợp với tình hình và yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội trong thời gian tới;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Thành lập Ban Chỉ đạo nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách thuế của Chính phủ, bao gồm:

09652172
Tel: +84-6-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1. Đồng chí Phan Văn Khải, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban,
2. Đồng chí Bộ trưởng Bộ Tài chính, Phó Trưởng Ban,
3. Đồng chí Trần Xuân Thắng, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thuế, Ủy viên thường trực,
4. Đồng chí Trương Đình Tuyển, Thứ trưởng Bộ Thương mại, Ủy viên,
5. Đồng chí Trần Xuân Giã, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy viên,
6. Đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Ủy viên,
7. Đồng chí Phan Văn Dĩnh, Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan, Ủy viên,
8. Đồng chí Lê Văn Toàn, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê, Ủy viên,
9. Đồng chí Nguyễn Ngọc Tuấn, Phó Trưởng Ban Vật giá Chính phủ, Ủy viên,
10. Một thành viên Tổ tư vấn Dự án cải cách kinh tế và hành chính Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

Giúp việc Ban Chỉ đạo nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách thuế có các chuyên viên của các Bộ thành viên có đủ khả năng tham gia nghiên cứu xây dựng chính sách và biên tập văn bản từng loại thuế.

Điều 2.- Ban Chỉ đạo nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách thuế có quyền hạn, nhiệm vụ sau đây:

1. Nghiên cứu và xây dựng đề án hoàn thiện chính sách thuế phù hợp với tình hình và nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trình Chính phủ quyết định
2. Thành lập các tổ nghiên cứu và xây dựng đề án hoàn thiện từng loại thuế theo đề án tổng thể mà Chính phủ đã quyết định.
3. Tổ chức hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước, mời chuyên gia để phục vụ cho việc nghiên cứu hoàn thiện hệ thống thuế; đưa ra lấy ý kiến rộng rãi đề án tổng thể và từng sắc thuế trước khi trình các cấp có thẩm quyền.
4. Bộ Tài chính cấp kinh phí và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của Ban Chỉ đạo nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách thuế.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký đến khi hệ thống thuế mới được Quốc hội thông qua.

Điều 4.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban

Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Chỉ đạo nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách thuế thực hiện nhiệm vụ được giao và các đồng chí có tên trên đây chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ
VÔ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 155-TTg ngày 13-3-1995 về việc tổng điều tra các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để có căn cứ đánh giá thực trạng tình hình kinh tế - xã hội và xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Tiến hành tổng điều tra các cơ sở kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, các cơ quan hành chính, sự nghiệp đang hoạt động trên phạm vi cả nước (trừ các cơ sở kinh tế thuộc các ngành nông, lâm, ngư nghiệp đã được tiến hành điều tra năm 1994).

Nội dung điều tra bao gồm:

- Các chỉ tiêu chung, khái quát về các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp (tên cơ sở, địa chỉ, loại hình hoạt động, ngành hoạt động, thành phần kinh tế...);
- Một số chỉ tiêu về lao động và tài chính (số lao động, lương và thu nhập của người lao động, vốn, doanh thu, thuế, lỗ lãi...).

Điều 2.- Cuộc tổng điều tra bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 1995; tháng 10 năm 1995 Tổng cục Thống kê có báo cáo kết quả tổng hợp sơ bộ (tổng hợp nhanh) để phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 và công bố kết quả tổng điều tra vào cuối quý II năm 1996.